

## TÌNH HÌNH NGUYÊN LIỆU ĐAN LÁT CỦA NG- ÒI KHƠ MÚ (Nghiên cứu ở bản Đỉnh Sơn I, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An)

PHẠM MINH PHÚC

Đan lát mây tre, với những sản phẩm phong phú và đa dạng là nghề thủ công có sức sống lâu bền, trong tất cả các dân tộc ở n- ớc ta. Đối với ng- òi Khơ mú, sản phẩm đan lát của họ không chỉ có nhiều chủng loại với những công năng khác nhau mà còn rất tinh xảo, nhiều dạng mô típ hoa văn độc đáo đ- ọc thể hiện. □ bản Đỉnh Sơn I, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, nghề đan lát của ng- òi Khơ mú đã phát triển đến độ mạnh nha xuất hiện một làng nghề; một số ng- òi thoát ly hẳn nông nghiệp, để chuyên tâm vào việc đan lát. Gần đây, nghề đan lát ở bản Đỉnh Sơn I không chỉ đ- ọc chính quyền địa ph- ơng quan tâm nh- một giải pháp xoá đói, giảm nghèo, mà còn đ- ọc các nhà dân tộc học để tâm nghiên cứu. Trong bài viết về *Nghề đan lát của ng- òi Khơ mú ở bản Đỉnh Sơn I trong cơ chế thị tr- ờng*<sup>1</sup>, các tác giả đã đề cập đến sự ảnh h- ờng của cơ chế thị tr- ờng trong việc thu mua nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm và sự phát triển của nghề đan ở đây. Một nghề thủ công tồn tại và phát triển, sản phẩm đ- ọc làm ra phải đẹp, có chất l- ợng cao, với nhiều mẫu mã, đáp ứng nhu cầu đa dạng của ng- òi tiêu dùng. Để duy trì và phát triển nghề đan lát truyền thống, ng- òi Khơ mú đã phải dựa vào nhiều nguồn nguyên liệu khác nhau: có loại nguyên liệu sẵn có trong tự nhiên đã đ- ọc sử dụng từ lâu nh- mây, tre, nứa, dây leo, vỏ cây; cũng có loại nguyên liệu công nghiệp mới du nhập trong thời gian gần đây nh- dây c- ớc, sợi ni lon, sợi bao tải dứa... Bài viết này, giới thiệu về cách khai thác, chế biến và bảo quản một số loại nguyên liệu trong nghề đan lát truyền thống của ng- òi Khơ mú ở bản Đỉnh Sơn I.

### I. CÁC LOẠI NGUYÊN LIỆU ĐAN LÁT

#### 1. Các loại cây họ tre

Tại Đỉnh Sơn I, có hơn chục loại cây họ tre, nh- ng không phải loại nào cũng đ- ọc sử dụng làm nguyên liệu đan lát, mà chỉ có: vầu, luồng

(tờ nếch), nứa (tờ la), giang (tờ rờ sẹ), tre gai (may phay) và vầu đắng (jaac). Trong số này, vầu là loại cây đ- ọc sử dụng nhiều hơn cả, tiếp đến là nứa, dang và tre gai.

#### - Vầu, luồng

Vầu, luồng là một loại họ tre to, cao khoảng 12 m, thành dây, đ- ờng kính khoảng 15 cm, chủ yếu mọc gần khe suối, những nơi đất có độ dốc thấp, độ ẩm cao và th- ờng mọc tập trung thành từng bụi lớn. So với các loại họ tre khác, vầu, luồng cùng với giang đ- ọc ng- òi Khơ mú bản Đỉnh Sơn I sử dụng nhiều trong đan lát. Do có thân to, ruột rỗng, lóng dài (khoảng 60-80 cm) nên loại vầu, luồng này có thể chế đ- ọc nhiều nan và sử dụng vào nhiều việc khác nhau. Lý do không kém phần quan trọng khiến ng- òi ta th- ờng lựa chọn vầu, luồng là vì nó ít cành, không có gai và dễ khai thác. Đặc biệt, với đặc tính dẻo và kháng mọt rất tốt nên vầu, luồng th- ờng đ- ọc ng- òi Khơ mú chọn để đan những sản phẩm chịu lực lớn, độ bền cao nh- mặt mâm, ép com (ép mah), gùi và những sản phẩm khác nh- : quạt lúa, chân ghế, mẹt sấy cám, cót phơi lúa...

#### - Nứa

Nứa th- ờng mọc ở những vùng đất thấp, có độ ẩm cao. Nứa có thân mỏng, tiết diện chỉ khoảng 5-6 cm và cao 7-10 m. Sau vầu, luồng ng- òi Khơ mú - a sử dụng loại cây này để đan. Tuy có nh- ợc điểm là không kháng mọt tốt nh- vầu, luồng, đôi khi còn rất hay bị mọt, nh- ng nứa có trữ l- ợng lớn và ở bất cứ chỗ nào quanh bản ng- òi ta cũng có thể lấy đ- ọc. Hơn nữa, nứa mọc thẳng, chỉ có thân và cuống lá, không có cành và gai nên rất dễ cho việc khai thác cũng nh- làm nan. Vì thế, nứa hay đ- ọc ng- òi Khơ mú sử dụng đan những vật dụng đơn giản, thông dụng, không đòi hỏi kỹ thuật cao nh- gùi mát th- a (không ja), gùi mát dây (không nhii), mẹt sấy cám, rọ lợn, lồng gà, ổ gà (tờ rờ n- hơ iar), phen phơi lúa, giỏ cá, giỏ đựng lúa, tấm tranh lợp nhà... Ưu điểm của nứa là có khả năng chịu n- ớc tốt nên th- ờng đ- ọc ng- òi Khơ mú sử dụng vào việc đan

<sup>1</sup> La Công □ - Võ Mai Ph- ơng. *Nghề đan lát của ng- òi Khơ mú ở bản Đỉnh Sơn I trong cơ chế thị tr- ờng*, Tap chí Dân tộc học số 2/ 2004, tr. 22.

các loại sản phẩm mà khi dùng th-ờng xuyên phải tiếp xúc với môi tr-ờng n-ớc và ẩm, nh- các công cụ đánh bắt cá: *lộ, jo, li, sơ, sây moi, sây lam...*

#### - *Giang*

Giang là loại có tiết diện nhỏ, chỉ khoảng 3-4 cm, cao chừng 10-15 mét, lóng khá dài, có thể tới 70-80 cm. Nó khác với tất cả các loại cây họ tre là có nhiều cành nhánh, không mọc thẳng đứng mà bò nh- dây leo. Giang th-ờng mọc ở những nơi đất ẩm, có khí hậu á nhiệt đới, vùng đầu nguồn khe suối, th-ờng là nơi có địa hình dốc, nhiều đá. Giang mọc xen với các loại cây thân gỗ nh- dổi, vàng tâm, dẻ và cùng một số loại dây leo. Giang có -u điểm là dẻo, tuy nhiên nó có nh-ợc điểm là mọc không tập trung, lại ở trên cao, nơi có địa hình phức tạp, rất khó cho việc khai thác. Mặt khác, giang còn có nh-ợc điểm nữa là không bền ở môi tr-ờng n-ớc hoặc môi tr-ờng có độ ẩm cao, nên th-ờng chỉ đ-ợc sử dụng làm lạt buộc hay để đan một số sản phẩm khi sử dụng ít tiếp xúc với môi tr-ờng ẩm và n-ớc. Các sản phẩm đan bằng giang nh- : ép đưng xôi, vành gùi (*c- r- dël ray*), giân, sàng, quạt hòm, mẹt...

#### - *Tre gai*

Tre gai giống nh- loại cây tre gai ở đồng bằng, th-ờng mọc ở những khu rừng thấp, khí hậu ẩm và th-ờng xen kẽ với một số loại cây khác nh- dẻ, vàng giành, vàng trắng, xăng lẻ, mạy soi, mạy m-ong... Đó là giống tre có rất nhiều tay dong và gai ở phần gốc, lóng ngắn, thân cứng, ít khi thẳng. Việc khai thác cũng nh- chế biến loại tre này gặp nhiều khó khăn nên ng-ời Khơ mú rất ít sử dụng để đan đồ gia dụng mà chỉ để đan hàng rào, làm các loại cán nh- cán cuốc, cán dao...

#### - *Jaac*

*Jaac* là một loại tre thân nhỏ, măng đắng, th-ờng chỉ mọc ở vùng núi cao, có khí hậu á nhiệt đới, sống xen với cây lá kim ôn đới nh- thông, pơ mu. Loại cây này có đ-ờng kính khoảng 1,5 - 3 cm, lóng ngắn và có nh-ợc điểm là rất giòn, dễ gãy nên ít đ-ợc ng-ời Khơ mú dùng để đan lát. Chỉ trong những tr-ờng hợp bất khả kháng, chẳng hạn nh- khi đánh bẫy hoặc săn đ-ợc thú lớn ở những khu rừng không có loại

nguyên liệu nào khác ng-ời ta mới lấy loại này đan rọ để vận chuyển thú về nhà.

## 2. Các loại cây họ mây

□ Đỉnh Sơn I, trữ l-ợng mây ít hơn so với các loại cây họ tre và mây chỉ đ-ợc sử dụng với số l-ợng khiêm tốn, nh-ng nó có vai trò rất quan trọng trong nghề đan lát của ng-ời Khơ mú. Một số sản phẩm nh- mâm, ghế, gối..., ng-ời ta chủ yếu làm bằng song mây chứ không phải là tre nứa nh- th-ờng thấy ở các sản phẩm khác. Mây bao giờ cũng là loại nguyên liệu đ-ợc -u tiên lựa chọn, khi ng-ời ta bổ cập các loại sản phẩm đan lát.

Ng-ời Khơ mú sử dụng nhiều loại mây khác nhau trong nghề đan lát, gồm: *bloong chãng, bloong chiúc, bloong cờ nệ, bloong gạ, bloong gret, bloong nuôn...* Các loại mây này hiện nay vẫn có sẵn ở những khu rừng quanh vùng Đỉnh Sơn I, nh-ng trữ l-ợng đã giảm đáng kể. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do vài năm trở lại đây nghề đan lát phục hồi và phát triển; do vậy nhu cầu về nguyên liệu tăng lên, trong khi đó tốc độ tái sinh và phát triển của song mây lại rất chậm, không kịp với tốc độ khai thác. Điều này rất đúng với nhận định của các tác giả trong cuốn *Dân tộc Khơ mú ở Việt Nam*<sup>2</sup>.

#### - *Bloong chãng*

*Bloong chãng* có lóng dài khoảng 30 cm, tiết diện lớn nhất chỉ 1 cm, mọc thành từng bụi khoảng bốn m-oi dây, trong các rừng khô có nứa, nành ngành (*tút sr-m*), xăng lẻ, dẻ... Với đặc tính dẻo, mềm, ít bị mọt nên *bloong chãng* đ-ợc sử dụng rất nhiều vào việc nh- đan mặt ghế, làm nẹp gùi, chân mâm, buộc các bộ phận của khung và mái nhà, buộc cặp thúng, cặp gùi, cặp rỏ, ép đưng cơm, giỏ cá, đan gối... Phần bọng (*cnoong*) của *bloong chãng* còn đ-ợc tận dụng làm dây buộc hàng rào.

#### - *Bloong chiúc*

*Bloong chiúc* cũng mọc thành từng bụi, có lóng ngắn chừng 20-30 cm, tiết diện khoảng 3 cm, mọc rải rác ở khắp các khu rừng có điều kiện sinh thái khác nhau, với số l-ợng không nhiều. Loại mây này có đặc tính mềm, có thể dùng để

<sup>2</sup> . Khổng Diển (chủ biên), *Ng-ời Khơ-mú ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1999

đan mặt và chân đế của ghế, vành mâm... Tuy nhiên, *bloong chític* có nh-ợc điểm là rất mềm, hay bị đứt, nên ng-ời ta chỉ dùng nó khi không có những loại nguyên liệu khác tốt hơn.

**- Bloong gĩa**

Giống nh- *bloong chĩang*, *bloong gĩa* cũng mọc thành từng bụi tối đa chừng 30 dây, lóng t-ợng đối ngắn, chừng 20 cm, th-ờng ở rừng cao, đất khô, hay xen với vầu, luồng. *Bloong gĩa* có đặc tính vừa cứng, vừa giòn, ruột lại xốp và rất hay bị mọt, nên tr-ợc khi sử dụng loại sản phẩm này ng-ời ta phải xử lý chống mọt bằng cách hun khói cho thật khô. Trong tr-ờng hợp không có *bloong chĩang*, ng-ời ta dùng *bloong gĩa* để đan gùi, hòm đựng quần áo, gói, làm vành mâm...

**- Bloong gớt**

*Bloong gớt* là loại mây có tiết diện lớn (khoảng 4 cm), lóng rất dài (khoảng 40 cm), th-ờng mọc ở những khu rừng đầu nguồn, đất ẩm - ớt, gân khe suốt. Loại cây này không mọc thành từng bụi mà l- a th- a, mỗi chỗ một cây, cùng với các loại cây khác nh- giang, dổi, vàng tâm... *Bloong gớt* rất hiếm, lại có nhiều cuống lá và tay gai, th-ờng leo lên cây cao, nên rất khó khai thác. *Bloong gớt* th-ờng sử dụng để làm vành chân ghế, nẹp gùi, đan mặt ghế...

**- Bloong nuôn**

*Bloong nuôn* có lóng dài 30-40 cm, thân to đều từ gốc tới ngọn, đ-ờng kính tới 3 cm, sống thành từng bụi tối đa 10 dây trong các khu rừng già đầu nguồn, ẩm - ớt. *Bloong nuôn* th-ờng leo lên cây to nên rất khó khai thác. *Bloong nuôn* có đặc tính mềm, dẻo, dai, dễ uốn, ít bị sâu ăn, nên th-ờng đ-ợc sử dụng làm dây kéo gỗ, cạp thúng, cạp mẹt, cạp giần, vành chân mâm, đan mặt ghế, mặt vành mâm, khâu cạp rổ, cạp mẹt...

**- Bloong r- ing**

*Bloong r- ing* có lóng rất ngắn, chỉ 10-15 cm, nh- ng thân lại rất dài, có khi tới 100 mét. Giống *bloong gớt*, *bloong r- ing* th-ờng mọc mỗi chỗ một cây hoặc tối đa 2-3 dây một bụi và leo lên các cây to ở những khu rừng cao, đất khô. Với đặc tính cứng và kháng mọt nên *bloong r- ing* th-ờng đ-ợc sử dụng làm đế gùi, miệng thúng, vành mẹt... và đôi khi còn dùng làm gậy chống cho ng-ời già.

**- Bloong cờ nệ**

*Bloong cờ nệ* mọc thành từng bụi, tối đa tới 30 dây, ở những khu rừng đầu nguồn hoặc trong rừng giang, rừng chuối, tiết diện rất bé, chỉ 1 cm, lóng dài 20-30 cm. *Bloong cờ nệ* th-ờng bò và quấn chằng chịt lấy nhau, chứ không leo lên cây nh- một số loại mây khác, vỏ già khô th-ờng tự tróc ra, nên rất dễ khai thác. Tuy nhiên, *bloong cờ nệ* có đặc tính giòn, hay bị sâu đục thân và bị mọt, nên ng-ời ta không dùng để đan mà chỉ dùng buộc cạp rổ, cạp mẹt, cạp gùi khi không có loại mây nào khác tốt hơn.

Ngoài các loại tre nứa và mây, trong các khu rừng thuộc bản Đỉnh Sơn I còn có một số loại dây leo (*chơ mớ*) có thể lấy sợi để đan chài, đan vợt xúc cá hay dùng để uốn chân mâm nh- *chơ mớ hãm piết*, *chơ mớ pãl*, *chơ mớ kđông dang*, *chơ mớ nuýt hãm boót*, *chơ mớ chơ nãng*. Các loại dây leo này không mọc ở vùng đầu nguồn.

**II. KHAI THÁC, VẬN CHUYỂN NGUYÊN LIỆU**

**1. Khai thác, vận chuyển tre nứa**

Th-ờng ở các làng nghề, để đảm bảo ổn định sản xuất, ng-ời thợ rất chú trọng đến việc tích trữ nguyên liệu. Nh- ng ng-ời Khơ mú bản Đỉnh Sơn I lại không có thói quen nh- vậy, mà khi nào cần đan họ mới đi khai thác. Ng-ời ta khai thác các cây họ tre quanh năm, không theo mùa vụ nhất định. Tuy nhiên, việc khai thác th-ờng đ-ợc tiến hành vào cuối tháng âm lịch, khoảng từ sau ngày 20 trở đi và tốt nhất là vào những ngày không có trăng, vì theo kinh nghiệm, tre khai thác vào nửa đầu tháng hay bị mọt và kém bền hơn so với tre khai thác vào những ngày cuối tháng. Theo ông Lữ Văn Sần, “*Tre khai thác từ tháng 10 đến tháng giêng âm lịch năm sau là tốt nhất*”. Có thể nói, kinh nghiệm khai thác tre của ng-ời Khơ mú có nhiều điểm t-ợng đồng với một số dân tộc khác. Ví như người Kinh có câu: “*Tháng tám tre non làm nhà, tháng ba tre già làm lạt*”; hoặc như các dân tộc ở vùng Tr-ờng Sơn-Tây Nguyên cũng th-ờng lựa những ngày cuối tháng âm lịch để chặt tre nứa làm nhà nhằm tránh mọt<sup>3</sup>.

<sup>3</sup> L- u Hùng, *Nhà rông với Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, trong cuốn “*Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr. 87.

Để khai thác nguyên liệu theo đúng yêu cầu từng loại sản phẩm, tr-ớc đây đích thân những ng-ời thợ đan phải vào rừng để chọn lựa. Nh-ng hiện nay, do một số sản phẩm đã trở thành hàng hoá nên những ng-ời đan giỏi chỉ chuyên ở nhà đan, còn ng-ời đi lấy nguyên liệu th-ờng là vợ, con của họ.

Tuy không có sự phân công lao động rõ ràng, nh-ng việc khai thác nguyên liệu đan lát chủ yếu do ng-ời đàn ông khoẻ mạnh trong gia đình đảm nhiệm; còn đàn bà, con trẻ th-ờng chỉ đi lấy mây. Nếu dự định đi xa, vào các khu rừng đầu nguồn, ng-ời ta phải mang theo cơm tr-a. Cơm đ-ợc cho vào ép hay gói lá chuối t-ơi hơ qua lửa, còn n-ớc đ-ợc đựng trong ống b-ong. Ng-ời Khơ mú cho rằng, vào rừng rất dễ gặp nguy hiểm nên khi ng-ời chồng đi rừng để khai thác nguyên liệu đan, ng-ời vợ ở nhà phải thực hiện một số kiêng kỵ nh- không đ-ợc gọi đầu và đóng cửa nhà; mà theo quan niệm của họ nhằm tránh những tai nạn bất th-ờng có thể xảy ra với chồng mình ở trong rừng sâu.

Công cụ khai thác nguyên liệu đan gồm dao nhọn, dao quắm và đôi khi cả dao th-ờng, nh-ng trong việc khai thác tre nửa ng-ời ta th-ờng chỉ dùng dao nhọn. Dao nhọn dài khoảng 35 cm, cán dài 10 cm, bản rộng 5 cm, sống thẳng và dầy, mũi nhọn, phình to ở phía gần chuôi và thon dần về phía mũi, có l-ỡi mỏng và sắc. Loại dao này, ngoài việc dùng để khai thác tre nửa, còn đ-ợc dùng để chẻ nan, vót nan, chặt mép những sản phẩm có hình tròn nh- mâm, nong, thúng, mẹt, dĩa. Mỗi lần đi khai thác tre, ng-ời Khơ mú th-ờng tra dao vào bao và đeo bên cạnh s-ờn. Nếu thuận tay phải đeo bao dao bên s-ờn trái, và ng-ợc lại, thuận tay trái đeo bao dao bên phải để tiện rút ra và tra vào.

Có một điểm khá lý thú là, đối với ng-ời Khơ mú ở bản Đỉnh Sơn I, con dao nhọn bao giờ cũng gắn với nam giới (chặt cây, làm nhà, chẻ nan, vót nan), còn phụ nữ thì chỉ dùng dao quắm (lấy mây, lấy củi, lấy măng).

□ Đỉnh Sơn I, mặc dù Nhà n-ớc đã giao đất, giao rừng cho dân và ban quản lý rừng của bản đã khoanh vùng cụ thể, khu vực rừng sản xuất có thể phát n-ong rẫy, khu vực rừng khoanh nuôi bảo vệ, cấm chặt phá, nh-ng khi cần nguyên liệu

để đan lát cũng nh- làm nhà thì ng-ời dân ở đây có thể khai thác ở bất cứ khu rừng nào, kể cả rừng cấm.

Để khai thác đ-ợc nhiều nguyên liệu tốt, ng-ời thợ đan không những phải có đủ sức khoẻ, mà còn phải có kinh nghiệm, ph-ong pháp làm việc và có kỹ thuật để xử lý trong những tình huống cụ thể. Có những bụi tre rất dễ khai thác, ng-ời ta không cần vất vả lắm, chỉ việc cầm dao, chọn t- thể đứng thích hợp rồi chặt; nh-ng nhiều khi gặp phải những bụi cây rất khó khai thác vì có nhiều cành, gai rậm rịt, lúc đó họ phải dùng dao phát hết những cành rong và dây leo v-ớng vúi bên ngoài, thậm chí có khi phải chặt cả những cây khác mọc ở phía ngoài cho đỡ v-ớng rồi mới chặt đến cây mình cần khai thác. Tr-ớc khi chặt các loại cây họ tre ng-ời ta còn phải quan sát kỹ xem trên phía ngọn có cành khô không, chọn chỗ đứng và thế đứng thích hợp, nhằm đề phòng tai nạn và đạt đ-ợc năng suất lao động cao. Đối với những cây tre mọc riêng lẻ hay ở phía ngoài bụi, nhất là cây cong hay cây mọc ở chỗ dốc thì ng-ời ta càng phải chú ý hơn. Khi chặt, ng-ời khai thác phải đứng tránh chiều ngã của cây để khi nó đổ xuống không đè hay bật gốc vào ng-ời. Cũng nhằm đề phòng cây đổ vào ng-ời, khi chặt các cây họ tre (trừ những cây ở phía trong bụi), bao giờ ng-ời ta cũng phải một tay cầm dao chặt, còn tay kia giữ gốc cây trên chỗ chặt khoảng 20-30 cm. Để kéo cây ra khỏi bụi rậm, ngoài việc lựa chiều kéo, ng-ời ta còn phải chặt dần những tay rong bị mắc và khi đã kéo hết phần có thể sử dụng ra thì chặt bỏ ngọn luôn. Tr-ớc khi chặt cây họ tre, ng-ời Khơ mú không bao giờ lấy dao gõ vào thân vì sợ rằng làm nh- thể thì sau này nan của nó sẽ bị mọt.

Cũng nh- ở nhiều nơi khác, ở Đỉnh Sơn I, việc vận chuyển nguyên liệu về nhà chủ yếu bằng sức ng-ời. Khi đã khai thác đ-ợc đủ l-ợng cây tre, nửa cần dùng, ng-ời ta róc bỏ mắt và chặt ra thành từng đoạn theo nhu cầu sử dụng; sau đó xếp lại và dùng dây rừng hoặc lạt chẻ từ cật tre non buộc lại thành bó để kéo, gùi hay vác về nhà. Ngoài ra, ng-ời Khơ mú cũng còn lợi dụng sức n-ớc để vận chuyển nguyên liệu đan. Vào mùa m-a, n-ớc suối dâng lên, nếu khai thác nhiều, ng-ời ta th-ờng kết những cây tre lại thành bè và thả trôi theo dòng n-ớc về bản.

## 2. Khai thác, vận chuyển mây

Theo ng-ời dân địa ph-ong, tr-ớc kia, khi rừng còn nhiều thì việc khai thác nguyên liệu khá dễ dàng. Ng-ời ta chỉ cần vào rừng một lúc đã có thể lấy đủ l-ợng mây cần thiết để làm một cái mâm. Nh-ng hiện nay, do tình trạng chặt phá rừng làm n-ong rẫy phổ biến, nghề đan lát phát triển mạnh nên nguyên liệu mây đã giảm đáng kể. Đặc biệt là, trong những năm 1978 - 1984, khi các cơ sở th-ong nghiệp của Nhà n-ớc và một số t- th-ong thu gom mây để bán cho một số cơ sở sản xuất hàng mây tre xuất khẩu ở Huế, thì ở bản Đỉnh Sơn I cũng nh- ở miền núi Nghệ An nói chung, việc khai thác mây diễn ra khá ô ạt làm cho l-ợng mây giảm đi nhanh chóng. □ gần khu thổ c- Đỉnh Sơn I hiện chỉ còn rất ít mây và chủ yếu là cây non, có khi 1 bụi chỉ có 1-2 dây ngắn. Vì thế, việc khai thác mây ngày càng trở nên khó khăn hơn, ng-ời ta th-ờng phải đi rất xa, lần mò đến những chỗ ch- a ai từng đến, có khi phải mang theo cơm dùm, cơm nắm đi cả ngày đ-ờng mới đến đ-ợc chỗ có nhiều mây để khai thác. Nếu gặp may, trong 1 ngày 1 ng-ời có thể lấy đ-ợc một gùi nặng, đủ đan 5 - 6 cái mâm; nh-ng nếu không gặp may có khi đi cả ngày từ lúc tờ mờ sáng đến tối mịt mà vẫn tay trắng.

Hiện nay, nhiều ng-ời dân của Đỉnh Sơn I đã tìm đến những khu rừng thuộc phạm vi bản khác quản lý để khai thác mây. Ngoài các khu rừng quen thuộc của Bản Bà, Na L-ợng, Na Chạo, Huổi Thợ, họ còn đến tận Piêng Luông, Huổi Lang, Huổi Tỳ, cách xa bản trên 10 km.

Nếu khai thác tre nửa ng-ời Khơ mú th-ờng sử dụng dao nhọn thì trong khai thác mây họ lại dùng dao quắm là chính. Dao quắm là loại dao có mũi cong với chiều dài hơn 60 cm, nh-ng riêng cán đã chiếm gần một nửa, khoảng 30 cm; sống dao dày và bản dao rộng, khoảng 6 cm. Dao có trọng l-ợng khá nặng nên dùng để chặt cây, đốn cây rất tiện lợi. Loại dao này chủ yếu dành cho phụ nữ sử dụng. Tr-ớc kia, mỗi khi mang dao đi vào rừng hay đi lên rẫy, các bà, các chị th-ờng cài dao vào một cái bao làm bằng nửa ống luống và buộc nó vào bên hông; nh-ng hiện nay họ không sử dụng bao dao mà luôn cầm nó trên tay.

□ ng-ời Khơ mú, lấy mây là công việc của phụ nữ, nh-ng trong quá trình khai thác, nếu

phát hiện những dây mây to và dài, leo bám trên cây cao, l-ợng sức mình không thể kéo xuống đ-ợc thì các bà, các chị không chặt mà nhớ vị trí rồi về báo lại cho chồng, con đến khai thác lấy mây.

□ Đỉnh Sơn I, gần nh- có sự phân công lao động trong việc khai thác nguyên liệu. Nếu khai thác cây nguyên liệu họ tre là công việc của đàn ông thì khai thác cây họ mây lại chủ yếu là công việc của đàn bà và con trẻ. Trong việc khai thác mây, mẹ trực tiếp lấy mây, còn con cái th-ờng giúp đỡ mẹ trong việc vận chuyển và quan trọng hơn là học hỏi thêm cách làm của mẹ. Ngoài ra, trẻ em còn có thể kết hợp đi hái l-ợm rau, quả dại, măng hoặc bất cứ thứ gì trong rừng có thể ăn đ-ợc.

Nhìn chung, lấy mây là một công việc vất vả, vì mây có ít lại không mọc tập trung thành rừng, do đó, ng-ời ta chỉ có thể biết đ-ợc ở khu rừng nào có mây chứ không biết chính xác từng bụi, từng cây. Có nơi, mây mọc ngay trong rừng tre, cũng có chỗ mây mọc xen với các loại cây thân gỗ, leo lên trên ngọn cây và vắt từ cây này sang cây khác. Để kiếm tìm mây, nhiều khi ng-ời ta phải phát cây để mở đ-ờng đi, thậm chí có chỗ phải luôn qua bụi rậm và chịu cho muỗi đốt, vắt cắn. Họ th-ờng vừa đi vừa quan sát, nếu phát hiện lá mây thì tiếp tục tìm xem gốc nó ở đâu và khi đã lần ra gốc thì phát quang xung quanh, tạo ra một không gian đủ để khai thác. Sau khi dùng dao quắm cắt đứt gốc mây, ng-ời ta dùng hai tay kéo dần dây mây ra khỏi bụi. Cứ kéo đ-ợc một đoạn họ lại dùng dao đập đập vào dây mây hoặc nếu nh- có cây to ở gần đấy thì vòng dây mây qua thân cây rồi kéo đi, kéo lại để cho những bẹ khô tự tróc ra. Đến phân bẹ t-oi ng-ời ta phải dùng dao róc từng đoạn một theo chiều từ ngọn xuống gốc. Khi khai thác mây, ng-ời ta còn lấy cả đọt ngọn mây để mang về nhà nấu canh hoặc ăn ghém.

Khi khai thác xong một bụi và chuyển sang bụi mây khác để khai thác tiếp, các em nhỏ th-ờng đi theo sau ng-ời lớn và kéo những sợi mây vừa lấy đ-ợc. Chỉ khi nào công việc kết thúc, gom đủ l-ợng mây cần thiết thì ng-ời ta mới cuộn các sợi mây và buộc nó lại với nhau để gùi về nhà. Sở dĩ họ làm nh- vậy là vì, trong rừng rậm kéo dọc các sợi mây vừa đỡ tốn sức và dễ đi

hơn; còn trên đ-ờng quang thì việc vận chuyển bằng cách gùi lại thuận tiện hơn.

Việc khai thác mây diễn ra hầu nh- quanh năm và bất kỳ thời điểm nào chứ không cần phải tránh những ngày đầu tháng nh- khi khai thác tre nứa. Để cho các đồ đan từ mây khỏi bị mọt, ng-ời Khơ mú chỉ khai thác những dây mây đã t-ơng đối già; nếu là *bloong chíc* và *bloong gla* thì cây phải có chiều dài từ 7 sải tay trở lên, riêng *bloong chăng* thì dài từ 3 sải trở lên là đã có thể khai thác. Ng-ời Khơ mú thích lấy những dây mây leo trên cây có vỏ màu vàng hoặc xanh, vì chúng không bị cốm nắng nên dẻo hơn, sản phẩm làm ra sẽ chắc và bền. Với những dây mây bò d-ới đất hoặc mọc ở rừng chuối có màu trắng, họ không khai thác vì mây này rất giòn, dễ gãy, khó chế thành nan.

### III. CHẾ BIẾN, BẢO QUẢN NGUYÊN LIỆU

#### 1. Chế biến nguyên liệu

Nh- đã nói, ở Đỉnh Sơn I nguồn nguyên liệu tre nứa rất dồi dào, có thể khai thác một cách t-ơng đối dễ dàng nên ng-ời ta hầu nh- không tích trữ hoặc tích trữ rất ít, chỉ cốt sao có đủ nguyên liệu dùng trong một thời gian ngắn. Th-ờng thì cần đến đâu ng-ời ta khai thác đến đó. Sau khi chặt gốc, róc cành và dẫn ngọn, họ chặt cây ra thành từng đoạn (ngắn hay dài tùy theo mục đích sử dụng) để vận chuyển về nhà cho thuận tiện. Đến nhà, ng-ời ta pha ngay những đoạn tre nứa vừa mang về thành nan bán thành phẩm, hoặc nếu kịp thì chế biến luôn thành nan thành phẩm. Họ cho biết, nếu không pha chế ngay nh- thể, tre nứa bị héo, sẽ trở nên quánh, rất khó pha và chế thành nan.

Để pha chế tre nứa, tr-ớc tiên ng-ời Khơ mú dùng dao róc sạch các đầu mắt, sau đó một tay giữ đoạn tre theo ph-ơng thẳng đứng (gốc ở d-ới, ngọn ở trên), tay kia cầm dao nhọn hoặc dao quắm bổ dọc xuống chia nó thành 2 nửa rồi chế tiếp thành những mảnh nhỏ hơn. Để pha chế những đoạn tre dài quá đầu ng-ời, họ th-ờng đứng ở một vị trí cao hơn chỗ dựng đoạn tre cần bổ hoặc dựng nghiêng đoạn tre đó sao cho nó vừa với tầm tay của ng-ời thợ cho dễ chế. Khi đã pha chế tre thành những mảnh nhỏ, rộng chừng 1,5-2 cm, họ dùng dao lia qua các cạnh của từng mảnh tre cho đỡ sắc, để phòng bị đứt tay. Tiếp theo, tách bỏ phần bụng các mảnh tre này và chế

thành các thanh nhỏ hơn, có bề rộng gần nh- những sợi nan để đan, rồi lại tiếp tục bỏ bớt phần bụng, chỉ giữ lại phần cật có độ dày đủ để chế theo lối lọt vỏ từ ngoài vào trong thành hai hoặc ba nan (tùy theo từng loại tre và yêu cầu chất l-ợng sản phẩm). Để có nan thành phẩm đẹp, giúp cho việc vào nan đ-ợc dễ dàng, sản phẩm đẹp và chắc chắn, ng-ời ta dùng dao nhọn để vót<sup>4</sup>, nhằm điều chỉnh lại độ dày mỏng và làm cho nan nhẵn hơn.

Nếu nh- trong việc khai thác tre, đôi khi cũng có sự tham gia của phụ nữ thì trong việc chế biến nan hầu nh- do đàn ông đảm nhiệm. Trong quá trình chế biến nguyên liệu, ng-ời Khơ mú kiêng mang các đoạn tre nứa còn t-ơ vào trong nhà, vì theo quan niệm của họ, sự xuất hiện của tre t-ơ trong ngôi nhà là biểu hiện của sự tang tóc hoặc không may mắn (chỉ khi có tang, ng-ời ta mới mang những đoạn tre nh- thể vào nhà để làm cáng khiêng ng-ời chết đi chôn). Tuy nhiên, nếu tre đã đ-ợc pha chế ra thành từng mảnh nhỏ thì có thể mang vào nhà đ-ợc.

Với nguyên liệu mây, sau khi phụ nữ và trẻ em đi khai thác mang về nhà, đàn ông phải bắt tay ngay vào việc chế biến thành nan bán thành phẩm. Nói nh- ông Lữ Văn Nh-n, "*Khi mây còn t-ơ, phải chớp lấy thời cơ, tranh thủ pha chế ngay, vì nếu để mây khô, quánh lại rồi thì rất khó làm*".

Nh- đã nói, mây đ-ợc cuộn thành cuộn tròn để vận chuyển về nhà nên hay bị cong. Do vậy, để có nan đều, không bị lồi hoặc gãy thì tr-ớc khi chế ng-ời ta phải tháo các cuộn mây ra và nắn lại từng sợi cho nó trở lại thẳng nh- trạng thái ban đầu. Tiếp theo, phụ thuộc tiết diện sợi mây lớn hay nhỏ và tùy vào mục đích sử dụng, họ dùng dao nhọn chế tách sợi mây thành 4 hoặc 6 phần bằng nhau.

Ng-ời Khơ mú chế mây theo nguyên tắc tách dần sợi mây từ gốc lên ngọn. Vì sao họ lại làm nh- vậy? Cho đến nay, trong c- dân bản Đỉnh Sơn I vẫn còn l-u truyền một câu chuyện dân gian giải thích thói quen này nh- sau: "*X- a kia, ở bản nọ có một ng-ời phụ nữ đã lớn tuổi mà vẫn ch- a có chồng con. Một lần vào rừng hái măng, vì khát n-ớc quá mà không tìm đâu đ-ợc n-ớc*

<sup>4</sup> Xem thêm: *Ng-ời Khơ-mú ở Việt Nam*, Sđd, tr. 99

sạch nên bà đành phải múc n-ớc đọng trong vết chân của một con bò rừng để uống tạm cho đỡ khát. Không ngờ, đó là n-ớc giải của một con bò đực, bà có thai, bụng cứ to dần lên và sau 3 tháng thì đẻ ra một con bò con. Một hôm, bò con hỏi mẹ bố nó là ai và hiện đang ở đâu? Bà mẹ lúng túng, không biết trả lời con mình như thế nào nên đ-a cho nó một sợi dây mây và bảo rằng, nếu nó muốn biết bố là ai và muốn gặp đ-ợc bố thì phải chẻ sợi dây mây đó thành 7 sợi. Chẻ mây thành những sợi nhỏ và hơn nữa lại chẻ thành số sợi lẻ là một việc vô cùng khó khăn, không phải ai cũng làm đ-ợc, nh-ng vì nóng lòng đ-ợc gặp bố nên con bò con đã đem hết tài trí ra để chẻ mây. Nó loay hoay bên sợi mây một lúc rồi lấy sừng húc vào gốc sợi dây mây và đẩy dần lên phía ngọn, chẻ thành 7 sợi khác nhau". Từ đó, ng-ời Khơ mú biết rằng, muốn chẻ mây đ-ợc dễ dàng thì không phải chẻ từ ngọn xuống phía gốc mà phải làm ng-ợc lại, chẻ từ gốc lên phía ngọn, và thói quen này đã đ-ợc đúc kết thành câu tục ngữ: "Bloong phạ lựt, tờ nếch phạ ltuôn bgai" (Chẻ vầu/luông từ ngọn, chẻ mây từ gốc).

Để chẻ mây, tr-ớc tiên, ng-ời ta dùng dao nhọn tiện bằng gốc mây rồi đặt l-ỡi dao nhọn vào chính giữa mặt cắt của nó, một cánh tay khép lại, kẹp chặt cán dao trong nách để giữ con dao cố định, tay kia cầm sợi mây đẩy vào l-ỡi dao. Với cách chẻ này, tay ng-ời chẻ luôn phải điều chỉnh sợi mây sao cho hai nửa đ-ợc tách ra luôn luôn có độ dày nh- nhau và không bị gãy hay lồi.

Sau khi pha mây thành các sợi bán thành phẩm, ng-ời ta dùng lạt buộc lại thành từng bó chừng 20-30 sợi và gác lên mái nhà, hoặc mang ra ngoài trời gác lên hàng rào hong gió (nếu trời nắng nhẹ). Ng-ời Khơ mú không bao giờ để mây lên trên gác bếp, vì sợ rằng mây "khô cướp", sợi biến dạng, sau này nan sẽ giòn, dễ gãy. Phơi khoảng 2 ngày rồi dùng dao cạo lại vỏ sót và vót bỏ phần bụng tạo thành nan thành phẩm. Khi vót nan ng-ời ta cũng làm nh- khi chẻ nan mây, một cánh tay khép lại, kẹp chặt cán dao trong nách để giữ con dao cố định, tay kia đ-a sợi mây đi qua, đi lại giữa l-ỡi dao và ngón tay cái đang giữ dao cho đến khi nào nan có độ dày đều nhau. Cứ vót xong mỗi nan, họ lại chặt chéo góc đầu nan phía gốc, để đến khi đan, nếu cần có thể xâu nan dễ dàng. □ đây, có điều cần l-u ý là, trong mọi

công việc, dao đ-ợc mài càng sắc càng dễ sử dụng và sử dụng có hiệu quả hơn, nh-ng riêng khi dùng để vót nan mây, ng-ời ta chỉ để dao sắc vừa phải thì mới dễ vót và khi vót không lẹm hoặc đứt nan. Nếu nan vót xong ch-a sử dụng ngay thì đ-ợc cuộn tròn từng sợi, để phần bụng ngửa ra ngoài, phần cắt úp vào trong và buộc lại để cất giữ. Ng-ời ta phải cuộn nh- vậy là vì để phòng nan vẫn ch-a khô hẳn, nếu cuộn nan ng-ợc lại thì khi nan khô sẽ bị co ngót và hai bên mép sẽ quặp vào phía trong làm cho mặt nan cong vênh, sau này vào nan rất khó và sản phẩm đan từ loại nan này sẽ không đẹp.

Trong việc chế biến mây, cùng với chẻ nhỏ và vót nan, ng-ời Khơ mú còn làm sẵn một số chi tiết phụ để sau này ráp với phần chính của sản phẩm nh- thân mâm, chân mâm, vành ghế, khung gùi v.v... Để uốn thân mâm, ng-ời ta lấy *bloong chãng* về phơi khoảng 5-7 ngày cho sợi mây khô tái, trở nên mềm và dẻo hơn rồi đem uốn bằng cách cắm 2 chiếc cọc song song với nhau (tùy theo thân mâm cao hay thấp mà khoảng cách giữa 2 cọc lớn hay nhỏ), sau đó chãng sợi dây mây vòng qua, vòng lại theo hình số 8. Để uốn vành ghế ng-ời ta dùng những đoạn mây to còn t-ơi khoanh xung quanh 1 cái cột gỗ to, tròn, chôn ngay gần nhà và buộc 2 đầu dây lại với nhau tạo thành vòng tròn.

Ngoài tre và mây, ng-ời Khơ mú còn sử dụng một số loại dây leo làm nguyên liệu đan lát. Đối với loại dây rừng hay mọc trên n-ong ngô đ-ợc gọi là *chơ mơ hằm piết* thì vào khoảng tháng 8 âm lịch, khi thu hoạch ngô ng-ời ta cắt lấy dây này; mỗi dây có thể lấy đ-ợc 9-10 đốt (mỗi đốt chừng 40 cm); sau đó mang về ngâm n-ớc một thời gian cho nhựa thôi ra và để tăng độ bền rồi t-ớc lấy vỏ, hong khô và vè lại cho dây thêm xoắn chắc. Cũng giống nh- với dây gai, tr-ớc khi đan ng-ời ta phải đem sợi *chơ mơ hằm piết* ngâm trong n-ớc *pan* 3 ngày, mỗi ngày thay n-ớc 3 lần. Hiện nay, ở Đỉnh Sơn I loại dây rừng này còn rất ít và chất l-ợng không đ-ợc tốt lắm.

## 2. Bảo quản nguyên liệu

Nghề đan lát của ng-ời Khơ mú ở Đỉnh Sơn I mặc dù đã có những b-ớc phát triển đáng kể, nh-ng cho đến nay, nó vẫn chỉ đ-ợc sản xuất trong phạm vi từng gia đình, rất manh mún. L-ợng nguyên liệu cần sử dụng không nhiều lắm. Và d-ờng nh-, ở ng-ời Khơ mú cũng nh-

nhiều c- dân miền núi khác vẫn tồn tại một thói quen đã có từ lâu là, có thì dùng, hết thì thôi, có bao nhiêu thì sử dụng bấy nhiêu, chứ họ không mấy lo xa, không chú ý đến việc tích trữ nh- ng- ời Việt. Vì thế, khai thác nguyên liệu đến đâu ng- ời ta chế biến ngay đến đấy và có thể dùng hết luôn nên họ không quan tâm đến việc phải bảo quản nguyên vật liệu nh- thế nào. Tuy nhiên, trong quá trình đan lát có thể có một ít nguyên liệu dôi ra và tạm thời ch- a sử dụng đến, do đó, nó cần đ- ọc bảo quản trong một thời gian nhất định. Việc bảo quản nguyên liệu đ- ọc ng- ời Khơ mú thực hiện d- ối hình thức ngâm n- ớc hoặc hun khói.

Các loại nguyên liệu họ tre dùng để đan chủ yếu là loại bánh tẻ nên nếu ch- a sử dụng ngay thì ng- ời ta th- ờng pha thành từng mảnh (đối với *tờ la*) hoặc chế biến thành nan thành phẩm (đối với *tờ nếch*) rồi bó lại thành từng bó nhỏ và ngâm xuống suối khoảng hai ngày. Ông Lò Văn Bảy cho biết: "*Nếu ngâm tre hoặc nan không đủ hai ngày, sau này dễ bị mốc; còn ngâm nhiều hơn hai ngày, sau này nan khô quá sẽ giòn, khó đan*". Cách ngâm tre của ng- ời Khơ mú phân nào thể hiện những kinh nghiệm ứng xử với môi tr- ờng sông suối. Khi ngâm, ng- ời ta th- ờng đặt bó tre ở ngay gần bờ, chỗ n- ớc nông và bao giờ cũng để nó nằm dọc theo dòng n- ớc, chìm d- ối mặt n- ớc khoảng 5-10 cm và lấy đá đè lên trên để n- ớc khỏi cuốn trôi.

Một cách bảo quản truyền thống khác cũng đã đ- ọc ng- ời Khơ mú và các dân tộc khác áp dụng từ rất lâu đời là đặt các loại nguyên liệu đã đ- ọc chế biến, kể cả thành phẩm và bán thành phẩm lên gác bếp để hun khói. Với những sợi mây hay đoạn mây đã uốn cong để làm thân mâm, chân mâm, vành ghế, khung gùi thì sau khi phơi nắng một thời gian cũng đ- ọc đặt lên gác bếp, khi nào cần dùng mới đem ngâm n- ớc cho mềm. Một số sản phẩm đan nh- mâm, ghế, met..., nếu ch- a bán đ- ọc hoặc ch- a sử dụng đến thì cũng đ- ọc hun khói theo cách nh- vậy để tránh mốc, ải và bị một ăn, đồng thời, làm cho chúng có màu vàng óng hay nâu sậm, tăng thêm độ thẩm mỹ.

#### IV. KẾT LUẬN

Là một c- dân sinh sống ở vùng cao, ng- ời Khơ mú bản Đỉnh Sơn I có vốn hiểu biết t- ơng

đối phong phú về rừng. Họ biết rõ đặc điểm và chu kỳ sinh học của nhiều loại cây cũng nh- khả năng khai thác và sử dụng chúng vào việc thỏa mãn các nhu cầu của đời sống, trong đó nhiều loại cây đ- ọc sử dụng làm nguyên liệu để đan lát, đặc biệt là những cây thuộc họ tre và mây.

Không chỉ hiểu đ- ọc những đặc tính của từng loại cây để sử dụng linh hoạt làm nguyên liệu cho mỗi loại sản phẩm đan lát (tuỳ theo yêu cầu kỹ thuật và mục đích sử dụng của từng loại sản phẩm), ng- ời Khơ mú còn tỏ ra rất có kinh nghiệm trong việc khai thác nguyên vật liệu đan. Đối với từng loại cây sinh sống trong điều kiện cụ thể, họ biết vào thời gian nào, phải sử dụng nguồn lực, loại công cụ lao động nào, dùng những biện pháp gì để khai thác, vận chuyển về nhà một cách hợp lý, hiệu quả. Song, qua việc khai thác nguyên liệu cũng cho thấy ng- ời Khơ mú không có thói quen "phòng cơ tích cốc" như ng- ời Việt, mà dùng đến đâu khai thác nguyên liệu đến đó. □ đây cũng cho thấy tư tưởng "của rừng": khi cần hay thiếu nguyên liệu (nhất là mây), ng- ời ta cứ khai thác và khai thác ở bất cứ chỗ nào chứ không quan tâm đến việc phải bảo vệ, khoanh nuôi rừng.

Ng- ời Khơ mú có kinh nghiệm ứng xử với các loại cây khai thác từ rừng. Họ biết cách tận dụng thời cơ, áp dụng kỹ thuật, công cụ để chế biến nguyên liệu đan một cách dễ dàng và bảo quản nó đ- ọc lâu dài. Những tri thức đó rõ ràng đã đ- ọc đúc kết qua nhiều thế hệ và truyền lại cho đến ngày nay qua các câu chuyện dân gian và câu tục ngữ về cách pha chế mây, tre của họ.

#### Tài liệu tham khảo

1. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam* (tập II), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
2. Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít ng- ời ở Việt Nam* (các tỉnh phía Bắc). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.
3. Khổng Diễn (chủ biên), *Ng- ời Khơ-mú ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1999.
4. La Công □ - Võ Mai Ph- ơng, *Nghề đan lát của ng- ời Khơ mú ở bản Đỉnh Sơn I trong cơ chế thị tr- ờng*, Tạp chí Dân tộc học số 2/2004, tr. 22.